

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày 23/5/2025

Về tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Trung

2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Giang - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị C**, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: **Anh Trần Đình Đ**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị C trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau: Chị và anh Trần Đình Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 13/6/2010 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, chị C còn phát hiện anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác thông qua các tin nhắn trên điện thoại. Chị C đã nhiều lần tha thứ cũng như khuyên răn anh Đ từ bỏ những thói hư tật xấu nhưng anh Đ vẫn chứng nào tật đấy và nhiều lần đánh đập chị C. Do đó, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng căng thẳng và chị C không muốn tha thứ cho anh Đ thêm lần nào nữa. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay, chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung là Trần Đình M, sinh ngày 23/02/2012; Trần Đình N, sinh ngày 16/01/2018; Trần Đình S, sinh ngày 12/7/2019. Hiện 03 con chung đang ở với anh Đ. Ly hôn, chị C có nguyện vọng nuôi dưỡng con N và con S; anh Đ nuôi dưỡng con M. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con chung. Hiện chị đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ và được bố mẹ chị sẵn sàng hỗ trợ chị chăm sóc con cái, chị có công việc và thu nhập ổn định.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Đình Đ trình bày: Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn của vợ chồng như chị C trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh Đ thừa nhận bản thân có chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, anh tha thiết mong chị C bỏ qua mọi lỗi lầm của anh để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con chung. Chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị C sinh sống từ tháng 3/2025, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Lần gần nhất, anh Đ có đến nhà bố mẹ đẻ chị C để thuyết phục chị C suy nghĩ lại, tuy nhiên trong lúc nóng giận, hai vợ chồng lại xảy ra xô xát không đáng có. Nay chị C có đơn xin ly hôn anh, anh xét thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị C nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị C có 03 con chung như chị C trình bày là đúng. Tại bản tự khai, anh Đ trình bày có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng cho các con chung. Tại biên bản hòa giải ngày 08/4/2025, anh Đ trình bày đồng ý để chị C nuôi dưỡng cả 03 con chung và anh có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt không thể hiện quan điểm về con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tại biên bản xác minh đối với chính quyền địa phương cung cấp: Anh Trần Đình Đ và chị Hoàng Thị C có đăng ký kết hôn ngày 13/6/2010 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có xảy ra

mâu thuẫn nhưng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là gì thì chính quyền địa phương không biết do anh chị không yêu cầu các đoàn thể tại địa phương tiến hành hòa giải. Biểu hiện là vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Đến tháng 02/2025, chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị C sinh sống, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Chị C, anh Đ có 03 con chung là Trần Đình M, sinh ngày 23/02/2012; Trần Đình N, sinh ngày 16/01/2018; Trần Đình S, sinh ngày 12/7/2019. Vợ chồng có một số tài sản chung, không nợ nghĩa vụ tài chính tại địa phương. Hiện anh Đ đang làm nghề xay giò chả tại nhà, có thu nhập ổn định. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết theo nguyện vọng hai bên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho chị C được ly hôn anh Đ; xử giao con Trần Đình M cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trần Đình N và con Trần Đình S cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; không đặt ra giải quyết về tài sản chung. Chị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị C và anh Trần Đình Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị C, anh Đ thể hiện quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát kéo dài. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào đầu năm 2025, chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh Đ trình bày anh vẫn còn tình cảm với chị C và đã tìm nhiều biện

pháp để hàn gắn tình cảm nhưng chị C luôn tránh né anh khiến cho cuộc sống gia đình rơi vào bế tắc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải mục đích để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị C giữ nguyên quan điểm cương quyết xin ly hôn, thể hiện chị không còn thiết tha với cuộc hôn nhân hiện tại. Như vậy, hôn nhân giữa chị Hoàng Thị C và anh Trần Đình Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Hoàng Thị C ly hôn anh Trần Đình Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị C và anh Trần Đình Đ có 03 con chung là Trần Đình M, sinh ngày 23/02/2012; Trần Đình N, sinh ngày 16/01/2018; Trần Đình S, sinh ngày 12/7/2019. Ly hôn, chị C có nguyện vọng nuôi dưỡng con N và con S, con M do anh Đ nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con chung. Chị C hiện là công nhân tại Công ty TNHH D, thu nhập bình quân 03 tháng gần nhất (từ tháng 02/2025 đến tháng 4/2025) khoảng 7.770.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ thay đổi quan điểm ban đầu về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con chung. Tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt không trình bày quan điểm về con chung. Xét thấy, chị C, anh Đ đều có điều kiện về nơi ở, điều kiện về kinh tế, điều kiện về thời gian... để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung là ngang nhau. Tuy nhiên, bản thân chị C là phụ nữ nên có nhiều kỹ năng chăm sóc các con chung đặc biệt là các con còn nhỏ hơn so với anh Đ. Do đó, cần xử giao con Trần Đình M cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Trần Đình N và con Trần Đình S cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị Hoàng Thị C và anh Trần Đình Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị C được ly hôn anh Trần Đình Đ.
2. Về con chung:

Xử giao 02 con chung là Trần Đình N, sinh ngày 16/01/2018 và Trần Đình S, sinh ngày 12/7/2019 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị Hoàng Thị C không yêu cầu anh Trần Đình Đ cấp dưỡng cho con chung cùng chị. Xử giao con chung là Trần Đình M, sinh ngày 23/02/2012 cho anh Trần Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Hoàng Thị C, anh Trần Đình Đ có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị Hoàng Thị C, anh Trần Đình Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Hoàng Thị C đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà theo biên lai thu số 0000633 ngày 10/3/2025 thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị C và bị đơn anh Trần Đình Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn
(UBND xã Hồng An, huyện Hưng Hà,
tỉnh Thái Bình);
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Nguyệt

